

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 335/2026/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: 80/8/6 ĐN, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ cư trú: 51 Tổ Hữu, phường Nam N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn PAN, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thanh T và ông Trần Ngọc P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thanh T và ông Trần Ngọc P tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Gia N, sinh ngày 12/12/2018 cho bà Trương Thanh T trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Trần Ngọc P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trần Ngọc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Trương Thanh T và ông Trần Ngọc P đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thanh T và ông Trần Ngọc P **xác nhận không có**.

- Về án phí: Bà Trương Thanh T nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (trong đó có **75.000 đồng án phí của bà T và 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm tự nguyện nộp thay cho ông Trần Ngọc P**) và tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Ngọc P. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà **bà T** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0001446** ngày **15/9/2026** của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (**Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Khánh Hòa**); **bà T và ông P** đã nộp đủ án phí theo quy định pháp luật.

Quy định: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thậm thực hiện thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các **Điều 4, 6, 7** Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại **Điều 34** Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3 - Khánh Hòa;
- UBND xã D (trước là UBND xã D -Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh Khánh Hòa
- Phòng THADS khu vực 3 - Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ